TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/DS-PT
Ngày: 26 - 8 – 2019
V/v Tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Nga.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hữu.

Ông Mai Thiện Kế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông Nguyễn Văn Sạch - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2019/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019, về việc: "*Tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con khi ly hôn*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 168/2019/QĐ-PT ngày 30 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Duyên Hữu H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: xã Tr K, huyện LP, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Kim Thị Tuyết M, sinh năm 1988.

Địa chỉ: xã Tr K, huyện LP, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Sơn Thị Ph, Luật sư, Cộng tác viên của Trung tâm Trợ giúp Pháp lý Nhà nước thực hiện trợ giúp pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Kim Thị Tuyết M (có mặt).

Địa chỉ: QL 1A, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Duyên Thị Kiều M, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Khóm A, phường B, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Kim Thị Tuyết M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/05/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Duyên Hữu H trình bày:

Ông Duyên Hữu H và bà Kim Thị Tuyết M quen biết, tìm hiểu nhau và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện từ năm 2006, đến năm 2009 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Khánh, huyện Long Phú. Sau khi kết hôn, ông bà ra riêng sinh sống, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc. Đến thời gian gần đây, ông H lo đi làm ăn, bà M ở nhà không chịu chăm lo chồng con mà lợi dụng lúc ông H vắng nhà bà M vay mượn nợ của anh chị em bên chồng và người dân địa phương. Tháng 05/2016, ông H đã bán 05 công ruộng của cha mẹ ruột cho được 220.000.000 đồng để bà M trả nợ nhưng bà M không trả nợ mà ngược lại mang tiền về nhà cho cha mẹ ruột bà M, mâu thuẫn từ đây xảy ra và vợ chồng đã sống ly thân với nhau.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà sinh được một người con chung tên Duyên Hữu Th, sinh ngày 26/10/2006.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Vào ngày 04/09/2013, ông bà có mượn của bà Duyên Thị Kiều M số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), khi mượn có làm giấy mượn nợ và vợ chồng có ký tên.

- Về nợ riêng: Tháng 05/2016, bà M có mượn riêng 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) của bà Duyên Thị Kiều M với mục đích trả tiền nợ cho người tên Lâm Hoàng E (Đại lý phân bón thuốc trừ sâu). Ngoài ra bà M còn làm chủ hụi và còn nợ tiền hụi bà M số tiền nợ hụi là 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng). Tháng 08/2016, ông H có trả cho bà M số tiền là 10.500.000 đồng (mười triệu năm trăm nghìn đồng) và còn nợ lại 25.500.000 đồng (hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

Nay ông Duyên Hữu H yêu cầu giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với bà Kim Thị Tuyết M.

- Về con chung: Ông H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Duyên Hữu Th và không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Đối với số tiền nợ chung mượn của bà Duyên Thị Kiều M là 30.000.000 đồng, ông H đồng ý trả cho bà M 15.000.000 đồng, còn 15.000.000 đồng thì bà M trả.

- Về nợ riêng: Đối với số tiền nợ riêng thì ông yêu cầu bà M tự trả.

2. Tại đơn phản tố ngày 22/02/2019, biên bản lấy lời khai ngày 04/3/2019 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Kim Thị Tuyết M trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông H về việc kết hôn, con chung, về mâu thuẫn vợ chồng thì không có phát sinh mâu thuẫn gì, chỉ có mâu thuẫn với người nhà bên chồng.

Về tài sản chung vợ chồng tạo lập được một số tài sản chung như sau:

Một chiếc xe Wave Damsan, biển số 83H7-2800 do anh Hòa đứng tên; một bộ bàn ghế salon gỗ; một cái Tivi 21 inch; Một tủ két sắt 200kg; một máy Điều hòa nhiệt độ Media 01 ngựa; một cái tủ lạnh Sharp 180 lít; một máy giặt Panasonic 9 kg; một tủ thiếc 1,2m x 2m; một tủ nhôm 1,2m x 1,4m; hai máy xăng bơm nước; ba máy dầu bơm nước.

Thuê đất ruộng một số hộ: Ông Tài, ông Tòng ở Phú An là 11 công tầm 3m; Bà Kot ở ấp Bờ Kinh, xã Hậu Thạnh 03 công tầm 03m; Bà Út Cam ở ấp Trường Bình, xã Trường Khánh: 6,5 công tầm 3m; Bà Mến ở ấp Bờ Kinh, xã Hậu Thạnh; 02 công tầm 03m; Bà Nga ở ấp Bờ Kinh, xã Hậu Thạnh: 08 công tầm 03m. Tổng cộng: 30,5 công, với giá thuê 01 năm 03 vụ lúa là 2.500.000 đồng/công, với số tiền 76.250.000 đồng. Tiền thu hoạch lúa vụ 2 đối với 30,5 công đất này ông H giữ là: 127.624.500 đồng (chưa trừ chi phí).

Toàn bộ tài sản kê khai ở trên, tiền thu hoạch lúa vụ 2 và tiền cho thuê đất này vụ 03 ông H quản lý toàn bộ.

Về nợ chung: Thừa nhận vợ chồng có nợ tiền vay bà M1 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) có làm biên nhận số nợ này đã trả cho bà M1. Vợ chồng có làm chủ hụi và nợ bà M1 tiền hụi là 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng) bà Hòa đã thu gom tiền hụi của người khác trả cho bà M1.

Nay, bà M đồng ý ly hôn với ông H; Về con chung yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; Về tài sản chung yêu cầu phân chia tài sản chung nêu trên theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa sơ thẩm bà M yêu cầu Tòa án buộc bà Duyên Thị Kiều M trả cho bà khoản tiền vay còn thiếu là 21.000.000 đồng (hai mươi mốt triệu đồng).

3. Tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập ngày 06/09/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Duyên Thị Kiều M trình bày:

Ông Duyên Hữu H và bà Kim Thị Tuyết M có nợ tiền bà Duyên Thị Kiều M 85.500.000 đồng (tám mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng) cụ thể như sau:

- Về số tiền mượn:

+ Về nợ chung của ông H và bà M: Ngày 04/09/2013, vợ chồng bà M có đến gặp và hỏi mượn bà M số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) có ký giấy mượn nợ kèm theo do bà M viết và ông H, bà M cùng ký tên với mục đích là để thuê đất trồng lúa và hứa đến thu nhập vụ lúa sẽ trả tiền lại cho bà M nhưng khi đến hẹn thì lại không trả. Ông H thống nhất trả cho bà M 15.000.000 đồng (mười lăm

triệu đồng), còn 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) còn lại thì bà M không đồng ý trả.

+ Về nợ riêng: Bà M có mượn riêng bà M số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) vào cuối tháng 05/2016 với mục đích là mang số tiền này trả cho bà Lâm Thị Hoàng E (Đại lý Cường bán phân bón thuốc trừ sâu). Đến nay số tiền này bà M vẫn chưa trả cho bà M.

- Về số tiền nợ hụi: Bà M làm chủ hụi và có mở một phần hụi mùa 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) khui theo vụ lúa, mỗi năm khui 03 lần, có 15 thành viên và bà M có tham gia 01 phần hụi. Ngày khui hụi đầu tiên là 20/7/2012 và lần khui hụi này bà M là người hốt hụi. Đến tháng 7/2016 còn lại ba lần khui hụi cuối, trong đó có bà M là người chưa hốt hụi. Bà M có thỏa thuận không thu tiền hụi của ba người chưa hốt hụi, chỉ thu của những người đã hốt hụi mỗi người 3.000.000 đồng x 12 người = 36.000.000 đồng và số tiền này sẽ giao lại cho những người chưa hốt hụi. Mỗi người được nhận 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng). Vào tháng 8/2016, vợ chồng bà M ly thân thì bà M không giao số tiền này cho bà M. Hiện nay ông H có đưa cho bà M được 10.500.000 đồng (mười triệu năm trăm nghìn đồng) và còn nợ lại là 25.500.000 đồng (hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng). Hiện nay tổng số tiền nợ của bà M là 70.500.000 đồng (bảy mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

Nay bà Duyên Thị Kiều M yêu cầu giải quyết: Buộc bà Kim Thị Tuyết M phải trả đủ cho bà số tiền là 70.500.000 đồng (bảy mươi triệu năm trăm nghìn đồng) và trả một lần, không yêu cầu tính lãi suất.

Vụ án được Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm. Tại bản án sơ thẩm 05/2019/HNGĐ-ST ngày 02/5/2019 đã quyết định: căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 155, Điều 164, 166, Điều 357, Điều 463, 464, 465, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 85, khoản 1 Điều 89, Điều 56, 91, 92 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Duyên Hữu H được ly hôn với bà Kim Thị Tuyết M.

2. Về quyền nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Kim Thị Tuyết M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Duyên Hữu Th, sinh ngày 26/10/2006. Khi án có hiệu lực pháp luật, ông Duyên Hữu H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Duyên Hữu Th mỗi tháng bằng 695.000 (sáu trăm chín mươi lăm nghìn) đồng cho đến khi cháu Duyên Hữu Th thành niên.

Ông Duyên Hữu H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không chấp nhận việc thụ lý, giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn và yêu cầu đòi lại tài sản của bà Kim Thị Tuyết M trong cùng vụ án. Bà Kim Thị Tuyết M có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn và yêu cầu đòi lại tài sản, nếu có yêu cầu.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện (yêu cầu độc lập) của bà Duyên Thị Kiều M.

- Buộc bà Kim Thị Tuyết M có nghĩa vụ trả cho bà Duyên Thị Kiều M 27.750.000 (hai mươi bảy triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Buộc ông Duyên Hữu H có nghĩa vụ trả cho bà Duyên Thị Kiều M 27.750.000 (hai mươi bảy triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Duyên Thị Kiều M buộc bà Kim Thị Tuyết M trả khoản tiền nợ vay 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 16/5/2019, bị đơn bà Kim Thị Tuyết M kháng cáo một phần bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết phân chia tài sản chung giữa bà và ông Duyên Hữu H, xem xét yêu cầu của bà về việc buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Duyên Thị Kiều M trả cho bà 21.000.000 đồng (hai mươi mốt triệu đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Duyên Thị Kiều M vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập; bị đơn không rút đơn kháng cáo, người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Kim Thị Tuyết M, tuy nhiên do bản án sơ thẩm tuyên phần thời gian cấp dưỡng là khi án có hiệu lực pháp luật là không đúng nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án là tính từ thời điểm xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Luật sư, Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

- **Về tố tụng:** Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên kháng cáo của bị đơn là hợp lệ và đúng theo luật định.

- Về nội dung:

[1] Theo nội dung đơn kháng cáo thì bị đơn bà Kim Thị Tuyết M yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét phân chia tài sản chung giữa bà với ông Duyên Hữu H, xem xét về số tiền nợ mà bà yêu cầu buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Duyên Thị Kiều M trả cho bà 21.000.000 đồng (*hai mươi mốt triệu đồng*). Do đó, nội dung bản án sơ thẩm đã giải quyết đối với quan hệ hôn nhân, nuôi con chung cũng như vấn đề về cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không có kháng cáo và Viện kiểm sát không có kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2] Xét kháng cáo của bà Kim Thị Tuyết M Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Bà M yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung giữa bà và ông Duyên Hữu H: Theo đơn khởi kiện ngày 25/5/2018, nguyên đơn ông Duyên Hữu H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con và nợ chung, còn đối với tài sản chung thì ông không yêu cầu. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Long Phú đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn bà Kim Thị Tuyết M để Tòa án tiến hành lấy lời khai cụ thể vào các ngày 12/9/2018, 19/12/2018. Tuy nhiên bà M đều vắng mặt. Tòa án nhân dân huyện Long Phú tiến hành các thủ tục tố tụng mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 16/01/2019 và ngày 21/02/2019, bà M vẫn tiếp tục vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được tống đạt hợp lệ. Đến ngày 25/02/2019, Tòa án nhận được đơn phản tố đề ngày 22/02/2019 của bà M về việc yêu cầu chia tài sản chung giữa bà và ông H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bà M có quyền phản tố đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định "*Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải*". Căn cứ vào quy định nêu trên thì việc cấp sơ thẩm nhận định và không chấp nhận thụ lý, giải quyết yêu cầu phản tố của bà M do yêu cầu này được đưa ra sau khi Tòa án nhân dân huyện Long Phú đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là có cơ sở, đúng theo quy định của khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bà M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Phú xem xét buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Duyên Thị Kiều M

trả cho bà số tiền bà M1 còn nợ bà là 21.000.000 đồng (hai mươi mốt triệu đồng). Xét thấy, đây là yêu cầu hoàn toàn mới của bị đơn đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, yêu cầu này trong suốt quá trình cấp sơ thẩm điều tra, xác minh, hòa giải bà M chưa từng đặt ra. Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bà M1 không thừa nhận số nợ này và cũng không thống nhất giải quyết chung một vụ án. Việc bà M đưa ra yêu cầu trên tại phiên tòa là chưa đúng với quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định không chấp nhận thụ lý, giải quyết yêu cầu này trong cùng một vụ án và bà M được quyên khởi kiện thành một vụ án khác nếu có yêu cầu là có căn cứ. Việc cấp sơ thẩm không thụ lý, giải quyết yêu cầu này của bà M là không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà M vì bà vẫn có quyền kiện thành vụ kiện khác như án sơ thẩm tuyên. Kháng cáo của bà M là không có căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên, án sơ thẩm tuyên: "Khi án có hiệu lực pháp luật, anh Duyên Hữu H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Duyên Hữu Th…" là không đúng, cấp phúc thẩm sửa lại thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho phù hợp và đảm bảo thi hành án.

[2.3] Từ những phân tích trên thấy rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận thụ lý, giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn bà Kim Thị Tuyết M về việc yêu cầu phân chia tài sản chung giữa bà với ông Duyên Hữu H và yêu cầu về việc buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Duyên Thị Kiều M trả cho bà 21.000.000 đồng (hai mươi mốt triệu đồng) trong cùng một vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà M vẫn có quyền khởi kiện thành vụ án khác khi có yêu cầu. Vì vậy, kháng cáo của bà M là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Đề nghị của Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa về việc không chấp nhận kháng cáo của bà M, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần thời gian cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên bà M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 309, khoản 2 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Kim Thị Tuyết M. Sửa một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 05/2019/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng về phần thời gian cấp dưỡng. Bản án được tuyên lại như sau:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 155, Điều 164, 166, Điều 357, Điều 463, 464, 465, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 85, khoản 1 Điều 89, Điều 56, 91, 92 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Duyên Hữu H được ly hôn với bà Kim Thị Tuyết M.

2. Về con chung: Bà Kim Thị Tuyết M được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Duyên Hữu Th, sinh ngày 26/10/2006 cho đến khi cháu Thuận đủ 18 tuổi. Ông Duyên Hữu H được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Duyên Hữu H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tên Duyên Hữu Th, sinh ngày 26/10/2006 số tiền là 695.000đ/01 tháng (sáu trăm chín mươi lăm ngàn đồng), cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm (02/5/2019) cho đến khi cháu Duyên Hữu Th đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thực hiện tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về tài sản chung: Không chấp nhận việc thụ lý, giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn và yêu cầu đòi lại tài sản của bà Kim Thị Tuyết M trong cùng vụ án. Bà Kim Thị Tuyết M có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn và yêu cầu đòi lại tài sản, nếu có yêu cầu.

5. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện (yêu cầu độc lập) của bà Duyên Thị Kiều M.

- Buộc bà Kim Thị Tuyết M có nghĩa vụ trả cho bà Duyên Thị Kiều M 27.750.000 (hai mươi bảy triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Buộc ông Duyên Hữu H có nghĩa vụ trả cho bà Duyên Thị Kiều M 27.750.000 (hai mươi bảy triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Duyên Thị Kiều M buộc bà Kim Thị Tuyết M trả khoản tiền nợ vay 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Duyên Hữu H phải chịu 1.987.500 (một triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 675.000 (sáu trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003129 ngày 8 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Ông Duyên Hữu H còn phải nộp 1.312.500 (một triệu ba trăm mười hai nghìn năm trăm) đồng.

Bà Kim Thị Tuyết M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Duyên Thị Kiều M phải chịu 1.500.000 (Một triệu, năm trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 2.185.000 (Hai triệu, một trăm tám mươi lăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005601 ngày 14 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Bà Duyên Thị Kiều M được nhận lại 685.000 (Sáu trăm tám mươi lăm nghìn) đồng.

7. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Kim Thị Tuyết M không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Tăng Thị Thúy Nga